

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, TTHC BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC**  
**LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**I. Danh mục TTHC mới ban hành**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	<b>Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>				
	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>				
	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương.	Trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 7, khoản 1, 3 Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng.
2	<b>Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện</b>				
	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>				
	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng.	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ

## II. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	<b>Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>				
	<b>Lĩnh vực Kiểm lâm</b> (Danh mục TTHC đã được công bố tại Mục A Phụ lục I Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)				
	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ. Mã TTHC: 3.000160	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;  - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Chương III Nghị định 102/2020/NĐ-CP; Khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18 Điều 1 và khoản 8 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ.
2	<b>Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện</b>				
	<b>Lĩnh vực Kiểm lâm</b> (Danh mục TTHC đã được công bố tại Mục B Phụ lục I Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)				
1	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu. Mã TTHC: 3.000159	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 04 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp huyện.	Không	Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 và khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu. Mã TTHC: 1.007859	Thực hiện theo Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính	Chi cục Hải quan	20.000 đ/tờ khai	Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; khoản 7 Điều 1 và khoản 4, khoản 12 Điều 2 Nghị định 120/2024/NĐ-CP

### III. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh bị bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b> (Danh mục TTHC đã được công bố tại số thứ tự 6 Mục III Phần A Phụ lục II Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp